

Bản án số: 299/2023/DS-PT

Ngày: 23/6/2023

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Các thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Mai - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội
mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 49/2023/TLPT-DS
ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” do có
kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày
09/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5749/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng
5 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 6549/TB-TA ngày 06/6/2023,
giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn P sinh năm 1958; Địa chỉ: k10, xã KĐ,
thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T sinh năm
1960; Địa chỉ: k10, xã KĐ, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh H sinh năm 1963; Địa chỉ: k10, xã KĐ,
thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1996; Địa chỉ: T38, k5, phường VP,
thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

- Bà Chủ Thị Mỹ H1, sinh năm 1988; Địa chỉ: K1, xã TX, huyện LT, tỉnh
Phú Thọ (Vắng mặt).

- Chị Đỗ Minh N1, sinh năm 1997; Địa chỉ: Đội 6, HP, phường MN, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Địa chỉ: k10, xã KĐ, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1981; Địa chỉ: k10, xã KĐ, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1983; Địa chỉ: k10, xã KĐ, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Xuân H2, sinh năm 1985; Địa chỉ: k10, xã KĐ, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

5. Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1987; Địa chỉ: Đ2, xã TV, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang ở Nhật Bản (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị T1, anh V, chị H3, anh H2: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Địa chỉ: k10, xã KĐ, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

6. Chị Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh năm 1984; Địa chỉ: k10, xã KĐ, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 1989 Hợp tác xã Nông nghiệp KĐ có chia đất cho các hộ gia đình trong xã trong đó có gia đình ông P được nhận diện tích đất đồi màu để trồng sắn.

Năm 2001 gia đình ông P, bà T được Ủy ban nhân dân huyện PN, tỉnh Phú Thọ cấp cho quyền sử dụng đất diện tích 91m² (đất ĐRM) tại tờ bản đồ số 25, thửa đất số 330⁻⁵ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 413564 ngày 25/9/2001. Thửa đất này thể hiện đầy đủ ở Sổ mục kê, Sổ địa chính và bản đồ 299 có lưu ở Ủy ban nhân dân xã KĐ, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ.

Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình thấy thiếu đất nên đã đề nghị khu hành chính xem xét kiểm tra lại. Vài năm sau gia đình ông mới được ông phó khu hành chính là ông T thông báo cho biết diện tích 91m² bị thiếu đang bị bà Nguyễn Thị Thanh H chiếm đoạt sử dụng. Vợ chồng ông P đã nhiều lần yêu cầu bà H trả lại cho gia đình diện tích đất này nhưng bà H không trả. Gia đình yêu cầu khu hành chính giải quyết nhưng khu hành chính không giải quyết.

Năm 2013, khu hành chính yêu cầu bà H không được kê thửa đất 91m² đang sử dụng của gia đình ông vào để cấp bìa đồ mới và yêu cầu bà H phải trả lại cho gia đình ông nhưng bà H không chấp thuận và liên tục suốt nhiều năm gia đình đi đòi đất với bà H và cán bộ khu hành chính, cán bộ địa chính nhưng không được giải quyết.

Đến năm 2020, cán bộ địa chính xã mới mời hai gia đình đến để đối chiếu số liệu diện tích đất trong bìa đồ đã kết luận là 91m² đất này thuộc bìa đồ, sổ mục kê của gia đình ông P. bà H không có giấy tờ gì để chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với diện tích đất này. Gia đình ông P đã yêu cầu bà H trả lại nhưng UBND xã và cán bộ địa chính xã không giải quyết được.

Năm 2021, UBND xã mới tiến hành giải quyết vụ việc, mời các bên liên quan lên UBND xã để hòa giải nhưng không hòa giải thành. Sau đó gia đình ông P đã khởi kiện vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh Phú Thọ để giải quyết. Trong quá trình giải quyết có liên quan đến yếu tố nước ngoài nên đã chuyển lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết theo thẩm quyền.

Ông Nguyễn Văn P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải trả lại cho gia đình ông P diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình ông theo như trích đo hiện trạng thửa đất hộ ông Nguyễn Văn P ngày 19/4/2022 do Công ty cổ phần khảo sát đo đạc AT thực hiện để gia đình ông quản lý sử dụng.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H và những người đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thanh H là chủ sử dụng diện tích đất trồng sản tại thửa đất số 330⁻⁵, tờ bản đồ số 25, diện tích là 91 m²; địa chỉ thửa đất: Khu vực N (Nhà S) xã KĐ, VT, Phú Thọ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất được UBND xã KĐ giao cho gia đình bà H quản lý và sử dụng từ năm 1989.

Kể từ khi được giao đất đến nay, gia đình bà H sử dụng canh tác, hàng năm chấp hành nộp thuế đầy đủ đối với nhà nước theo quy định pháp luật, không có tranh chấp với các hộ gia đình khác. Nhưng do UBND xã KĐ khi lập hồ sơ để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà H đã có sự nhầm lẫn nên thửa đất số 330⁻⁵, tờ bản đồ số 25, diện tích 91m² của gia đình bà H bị cấp vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn P.

Ngày 05/3/2019, bà H đã có đơn gửi UBND xã KĐ trình bày về việc vào năm 1988 và năm 1989, UBND xã KĐ có chia cho gia đình bà H 02 thửa đất sản, trong đó có thửa đất số 330⁻⁵, tờ bản đồ số 25, diện tích 91m², nhưng đến khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất trên thì bà H đã sơ suất không kiểm tra lại nên không biết đã bị cấp thiếu diện tích đất nêu trên. Đến khi thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất thì bà H mới phát hiện ra trên Giấy chứng nhận đã cấp cho gia đình bà bị thiếu thửa đất số 330⁻⁵, tờ bản đồ số 25 và hiện nay thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận cho hộ ông Nguyễn Văn P. Đơn xác nhận sự việc của bà H có xác nhận của Trưởng khu 10 như sau: “Thửa đất 330⁻⁵ tờ bản đồ 25, diện tích 91m² bà H có canh tác từ trước đến nay”.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2014 quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất như sau:

“2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

Theo quy định nêu trên thì gia đình bà đã được UBND xã KĐ giao sử dụng từ năm 1988 và gia đình bà H đã sử dụng ổn định, lâu dài, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế cũng như không có tranh chấp gì với các hộ khác nên gia đình bà H đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

Do vậy, ông Nguyễn Văn P làm đơn khởi kiện yêu cầu bà H phải trả lại thửa đất số 330⁻⁵, tờ bản đồ số 25 là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P và tạo điều kiện để bà H thực hiện các thủ tục xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đang tranh chấp.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị H3, anh Nguyễn Xuân H2, anh Nguyễn Ngọc V trình bày: Nhất trí như quan điểm của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả lại cho hộ ông P diện tích đất đã lấn chiếm 78,9m². chị T, anh H3, anh H2, anh V trình bày thêm đất là do bố mẹ được cấp, các anh chị là người có liên quan đến quyền sở hữu nhưng giao lại cho bố mẹ được quyền sử dụng, định đoạt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hoàng Y (con gái bà H) trình bày: Việc tranh chấp đất giữa hộ ông P với mẹ chị là bà H chị không liên quan vì diện tích đất này mẹ chị toàn quyền sử dụng. Chị đề nghị Tòa án không đưa chị tham gia tố tụng và chị xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, xét xử vụ án của Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 09/11/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ các Điều 1; khoản 2 Điều 3; Điều 6; Điều 73 Luật Đất đai năm 1993; Điều 95; Điều 99; Điều 100; Điều 166; Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 690 Bộ luật Dân sự 1995; Điều 358 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147; Điều 157, Điều 158; Điều 165; Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P về việc đòi bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H diện tích đất theo đo đạc thực tế 78,9m².

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải trả lại cho hộ ông Nguyễn Văn P diện tích đất theo đo đạc thực tế là 78,9m² đất (đất ĐRM) tại tờ bản đồ số 25, thửa đất số 330⁻⁵ đã được UBND huyện PN, tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 413564 ngày 25/9/2001 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn P theo chỉ giới 4, 5, 10, 11, 4 (Có bản trích đo địa chính hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Đối với cây trồng trên đất: Bà Nguyễn Thị Thanh H có trách nhiệm thu hoạch cây sản trên thửa đất số 330⁻⁵ tờ bản đồ số 25 xã KĐ, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày 01/12/2022 để trả lại đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn P.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/11/2023, bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông P, công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 330⁻⁵ tờ bản đồ số 25 xã KĐ, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ cho gia đình bà, hủy thửa đất số 330⁻⁵ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn P để cấp lại cho đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P do bà Nguyễn Thị T đại diện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án và nghe kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá các tài liệu, chứng cứ phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án và đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của các bên đương sự và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

- Về thời hạn và thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh H đảm bảo về thời hạn, bà H nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[2.1]. Về nguồn gốc đất:

Căn cứ vào sổ mục kê, địa chính năm 2001; Bản đồ số 299, thửa 330⁻⁵ tờ bản đồ số 25 lưu giữ tại UBND xã KĐ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S413564 ngày 25/9/2001 đã được UBND huyện PN, tỉnh Phú Thọ cấp cho hộ ông Nguyễn Văn P, Biên bản xác minh ngày 28/10/2021 có căn cứ xác định từ thời điểm trước năm 1989 ông P, bà T đã được ghi nhận là chủ sử dụng diện tích 91m² đất thửa 330⁻⁵ tờ bản đồ số 25 (theo Bản đồ 299 được lập theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ), sau đó đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2001. Bà Nguyễn Thị Thanh H cho rằng bà được UBND xã KĐ giao diện tích đất 91m² thửa 330⁻⁵ tờ bản đồ số 25 từ khoảng năm 1988 - 1989 nhưng không có chứng cứ chứng minh, các tài liệu lưu trữ tại chính quyền địa phương cũng không có tài liệu nào chứng minh cho việc bà H đã được cấp đất vào thời điểm năm 1988 - 1989. Vì vậy, có căn cứ xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của gia đình ông Nguyễn Văn P.

[2.2]. Về quá trình sử dụng đất:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bà Nguyễn Thị Thanh H đã sử dụng đất từ năm 1989 do UBND xã KĐ, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ giao cho hộ bà H, bà H sử dụng diện tích nêu trên từ đó cho đến nay và không tranh chấp với ai. Tuy nhiên, bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc UBND xã KĐ đã giao diện tích đất nêu trên cho gia đình bà. Mặt khác, tại Biên bản xác minh ngày 28/10/2022 UBND xã KĐ xác nhận: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đất ĐRM) cho các hộ dân tại địa bàn xã KĐ những năm 2001 không có lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất mà chỉ căn cứ vào bản kê khai của các hộ dân sau đó đối chiếu với khu dân cư để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đôi màu. Như vậy, tại thời điểm đó cả hộ bà H, ông P đều được thực hiện kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản thân bà H không kê khai diện tích đất này để được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2001 (cùng với các thửa đất khác), bà H cũng không ý kiến gì về việc gia đình bà bị cấp thiếu đôi với thửa đất tại thửa 330⁻⁵, tờ bản đồ 25, chỉ đến khi xảy ra tranh chấp với ông P thì bà H mới cho rằng đất bà bị cấp thiếu, điều này là hoàn toàn không có căn cứ.

Bản thân ông P sau khi phát hiện thửa đất trên do người khác sử dụng, ông đã đề nghị khu hành chính, cán bộ địa chính xem xét giải quyết nhưng không được giải quyết. Đến năm 2013 có chủ trương cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông vẫn đề nghị xem xét giải quyết nhưng không được giải quyết. Năm 2021, UBND xã KĐ, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ đã tiến hành hòa giải giữa các bên nhưng không hòa giải thành. ông P đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh Phú Thọ yêu cầu giải quyết.

[3]. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/3/2022 và bản trích đo hiện trạng sử dụng đất hộ ông Nguyễn Văn P (thửa đất đang tranh chấp) ngày 19/4/2022 thể hiện diện tích đất đo đạc thực tế là 78,9m². Tại Biên bản hòa giải ngày 09/9/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm các bên đương sự cũng thống nhất xác định thửa đất đang tranh chấp chỉ còn diện tích nêu trên. Phần diện tích đất thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 12,1m² do các bên không đề nghị nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

[4]. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về việc đòi bị đơn bà Nguyễn Thị Hòa diện tích đất đo đạc thực tế 78,9m² tại tờ bản đồ số 25, thửa đất số 330⁻⁵ đã được UBND huyện PN, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 413564 ngày 25/9/2001 và buộc bà H có trách nhiệm thu hoạch cây sắn trên thửa đất số 330⁻⁵ tờ bản đồ số 25 xã KĐ, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ để trả lại đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn P là có căn cứ. Từ đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải thu hoạch trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 01/12/2022 là không đúng quy định pháp luật bởi lẽ bản án chưa có hiệu lực pháp luật, các đương sự còn có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát còn có quyền kháng nghị đối với bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ sửa bản án sơ thẩm về nội dung này cho phù hợp.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 09/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Cụ thể như sau:

Căn cứ các Điều 1, khoản 2 Điều 3, Điều 6, Điều 73 Luật Đất đai năm 1993; Điều 95, Điều 99, Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 690 Bộ luật Dân sự 1995; Điều 358 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P về việc đòi lại đất của bà Nguyễn Thị Thanh H diện tích đất theo đo đạc thực tế 78,9m².

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải trả lại cho hộ ông Nguyễn Văn P diện tích đất theo đo đạc thực tế là 78,9m² đất (đất ĐRM) tại tờ bản đồ số 25, thửa đất số 330⁻⁵ đã được UBND huyện PN, tỉnh Phú Thọ cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 413564 ngày 25/9/2001 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn P theo chỉ giới 4, 5, 10, 11, 4 (Có bản trích đo địa chính hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Đối với cây trồng trên đất: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải có trách nhiệm di dời toàn bộ cây trồng trên thửa đất số 330⁻⁵ tờ bản đồ số 25 xã KĐ, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ để trả lại đất cho gia đình ông Nguyễn Văn P.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000366 ngày 29/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Xác nhận bà Nguyễn Thị Thanh H đã thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Hải

